

Bản án số: 353/2022/DS-PT

Ngày: 27 - 5 - 2022

V/v: “Tranh chấp thừa kế QSD đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 529/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 639/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1961; Trú tại ấp P, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2/ Bà Phạm Thị C (tên thường gọi: Phạm Thị M), sinh năm 1945; Trú tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bà C có ông Nguyễn Hoàng Ph; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020). (có mặt)

3/ Bà Phạm Kiều N (tên gọi khác Phạm Thị Kiều N), sinh năm 1946; Trú tại ấp Ph, xã P, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Hồng N, Phạm Thị C, Phạm Kiều N: ông Nguyễn Thành Đ – Luật sư thuộc Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

4/ Bà Phạm Thị Ô (tên gọi khác: Phạm Thị T), sinh năm 1945; trú tại ấp T xã An P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1953; trú tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bà Ô, bà H có anh Lê Minh Thuận. Trú tại: số 28, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020). (có mặt)

6/ Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm: 1950; trú tại: số 909 Emory.Ave Campbell Ca 95008.USA.

Đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Hồng H: Bà Phạm Hồng N (văn bản ủy quyền ngày 17/6/2019). (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1969; trú tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn L: ông Phan Quang T (văn bản ủy quyền ngày 31/7/2019). (có mặt)

2/ Bà Phạm Hồng Kh, sinh năm 1958; trú tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị L; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Phan Quang T (có mặt)

2/ Chị Phạm Hương L; (vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Hoàng Ph; (có mặt)

4/ Anh Nguyễn Hoàng G (vắng mặt)

5/ Chị Lê Thị Cẩm T (vắng mặt)

6/ Anh Đào Hậu G (vắng mặt)

Cùng trú tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Hồng N, Phạm Thị C, Phạm Thị Kiều N, Phạm Thị H, Phạm Thị Ô; bị đơn ông Phạm Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2012, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/10/2020 cùng các lời khai khác có trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Hồng N trình bày:

Cụ ông Phạm Văn N (chết ngày 02/11/2009) và cụ bà Nguyễn Thị T (chết ngày 22/02/2002) có 8 người con gồm: Phạm Thị C (tên khác: Phạm Thị Mun), Phạm Thị Ô (tên khác: Phạm Thị T), Phạm Kiều N (tên khác: Phạm Thị Kiều N), Phạm Thị Hồng H, Phạm Thị H, Phạm Hồng N, Phạm Hồng Kh và Phạm Văn L, ngoài ra không còn người con nào khác. Cụ N và cụ T chết để lại di sản, gồm:

- Thừa đất số 912, diện tích 7.477m² loại đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Hiện do Phạm Văn L quản lý.

- Thừa đất số 905, diện tích 2.750m², loại đất thô - vườn, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long, do Phạm Hồng N quản lý.

- Thừa đất số 920, diện tích 3.300m², loại đất ruộng, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long, do Nguyễn Hoàng Ph, Nguyễn Hoàng G quản lý.

- Thừa đất 906 diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Thị C quản lý.

Ngày 29/8/2003 Cụ N có để lại di chúc phân chia tài sản nhưng ngày 25/7/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên xử di chúc vô hiệu (án đã có hiệu lực) trong bản án Tòa dành cho các đương sự một vụ kiện dân sự khác về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Nay bà Phạm Hồng N yêu cầu chia thừa kế di sản Cụ N, cụ T để lại theo pháp luật như sau:

1. Yêu cầu chia thừa 912, diện tích 7.477m² (diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do ông Phạm Văn L quản lý chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý tách một phần thừa đất 912 dành làm lối đi chung các anh em diện tích 266,1m² (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập).

2. Yêu cầu chia thừa đất 920, diện tích 3.300m² (diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hoàng Ph đang quản lý, sử dụng chia 08 phần bằng nhau.

3. Yêu cầu chia thừa đất 905, diện tích 2.750m² (diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do ông Nghị xây dựng năm 1983, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Hồng N quản lý. Yêu cầu giao cho bà quản lý, sử dụng bà đồng ý trả giá trị đất cho các đồng thừa kế còn lại theo giá hội đồng định giá ngày 26/11/2020.

4. Rút lại yêu cầu chia 5.200.000 đồng tiền trị giá thu nhập 52 gia lúa từ khi Cụ N chết cho đến nay do ông L thuê đất của Cụ N mà không đóng; không yêu

cầu bà Phạm Hồng Kh chia cho bà số tiền 2.200.000đ tiền trị giá 22 gia lúa và bà Kh sử dụng đất mà không đóng từ khi Cụ N chết cho đến nay.

Ngoài ra, thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng bà Ng không yêu cầu chia thừa kế. Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng không yêu cầu chia thừa kế.

Bà Ng thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) là 2.000.000 đồng/1m², vị trí còn lại giá 118.000 đồng/1m²; thửa 920 giá 60.000 đồng/1m²; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/1m², vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/1m², vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/1m².

Tại bản biên bản hòa giải không thành ngày 09/7/2020 bà Phạm Hồng N là đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Hồng H trình bày:

Thông nhất với trình bày của bà Phạm Hồng N về các con chung của Cụ N, cụ T; nguồn gốc đất và di sản do Cụ N, cụ T chết để lại, tài sản trên đất và yêu cầu của chị Phạm Hồng N về tài sản yêu cầu chia và không chia. Bà Phạm Thị Hồng H yêu cầu chia thừa kế di sản Cụ N, cụ T để lại theo pháp luật như sau:

Đồng ý tách một phần thửa đất 912, diện tích 266,1m² dành làm lối đi chung các anh em, phần còn lại của thửa 912 yêu cầu chia đều 08 phần cho các chị em; thửa đất 920, diện tích 3.300m² (diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa đất 905, diện tích 2.750m² (diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm. Yêu cầu chia đều 8 phần bằng nhau. Căn nhà tường cấp 4 gắn liền thửa 905 do Cụ N xây dựng năm 1983, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long không yêu cầu chia. Phần di sản thừa kế bà được hưởng, bà đồng ý cho bà Ng sử dụng.

Ngoài ra, các thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng và phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng không yêu cầu chia thừa kế.

Ngoài ra, thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng bà Ng không yêu cầu chia thừa kế. Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng không yêu cầu chia thừa kế.

Bà Ng thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) là 2.000.000 đồng/1m², vị trí còn lại giá 118.000 đồng/1m²; thửa 920 giá 60.000 đồng/1m²; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/1m², vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/1m², vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/1m².

Tại đơn yêu cầu và tờ tự khai ngày 24/4/2013, biên bản hòa giải không thành ngày 09/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị H có người đại diện hợp pháp anh Thuận trình bày:

Thông nhất với trình bày của chị Phạm Hồng N về các con chung của ông Nghị, bà Tánh; nguồn gốc đất và di sản do Cụ N, cụ T chết để lại, tài sản trên đất. Bà H yêu cầu chia thừa kế di sản Cụ N, cụ T để lại theo pháp luật như sau:

Thửa đất số 912, diện tích 7.477m² (diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Phạm Văn L quản lý chia đều 08 anh chị em trong đó phần bà H yêu cầu chia 1 suất thừa kế phần mặt tiền thửa đất giáp đường tỉnh 901 và phần diện tích đất thực tế bà và con bà đã sử dụng cất nhà ở giáp thửa 905 bà đang quản lý, sử dụng, bà đồng ý trả giá trị đất cho các đồng thừa kế khác theo giá 118.000 đồng/1m². Đồng ý tách một phần thửa đất 912, diện tích 266,1m² dành làm lối đi chung các anh em (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập).

Thửa đất 920, diện tích 3.300m² (diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hoàng Ph đang quản lý, sử dụng chia đều 08 phần bằng nhau. Bà H yêu cầu nhận đất và đồng ý trả giá trị đất lại cho các đồng thừa kế khác theo giá hội đồng định giá.

Thửa đất 905, diện tích 2.750m² (diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do Cụ N xây dựng năm 1983, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Hồng N. Chia đều 08 phần bằng nhau. Đồng ý giao phần đất cho bà Ng quản lý, sử dụng và bà Ng phải hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế theo giá hội đồng định giá. Đối với căn nhà gắn liền thửa đất không yêu cầu chia thừa kế.

Đối với thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng. Công nhận phần đất trên là tài sản chung của các anh em. Ngày 11/5/2021, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất trên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m². Yêu cầu chia thừa kế

phần đất trên làm 8 phần bằng nhau, bà H được chia một phần đất diện tích 1.130m^2 (trong đó đất cây lâu năm $1.092,5\text{m}^2$, đất ở nông thôn $37,5\text{m}^2$).

Bà H thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1(từ lề lộ đi vào 50m) giá $2.000.000$ đồng/ m^2 , vị trí còn lại giá 118.000 đồng/ m^2 ; thửa 920 giá 60.000 đồng/ m^2 ; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/ m^2 , vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/ m^2 , vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/ m^2 .

Tại đơn yêu cầu ngày 15/4/2013, biên bản hòa giải không thành ngày 09/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T) có người đại diện hợp pháp anh Thuận trình bày:

Thống nhất với trình bày của chị Phạm Hồng N về các con chung của Cụ N, cụ T; nguồn gốc đất và di sản do Cụ N, cụ T chết để lại, tài sản trên đất. Bà Ô yêu cầu chia thừa kế di sản Cụ N, cụ T để lại theo pháp luật như sau:

Thửa đất số 912, diện tích 7.477m^2 (diện tích đo đạc thực tế $8.201,6\text{m}^2$), loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Phạm Văn L quản lý yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý tách một phần thửa đất 912, diện tích $266,1\text{m}^2$ dành làm lối đi chung các anh em (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập).

Thửa đất 920, diện tích 3.300m^2 , (diện tích đo đạc thực tế $3.318,4\text{m}^2$), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Hoàng G đang quản lý, sử dụng yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Bà Ô yêu cầu nhận đất và đồng ý trả giá trị đất lại cho các đồng thừa kế khác theo giá hội đồng định giá.

Thửa đất 905, diện tích $2.655,1\text{m}^2$ (diện tích đo đạc thực tế $2.655,1\text{m}^2$), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do ông Nghị xây dựng năm 1983, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Hồng N yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý giao phần đất cho bà Ng quản lý, sử dụng và bà Ng phải hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế theo giá hội đồng định giá. Đối với căn nhà gắn liền thửa đất không yêu cầu chia.

Đối với thửa đất số 906, diện tích 1.470m^2 , loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng. Yêu cầu công nhận phần đất trên là tài sản chung của các anh em.

Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m^2 , loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng. Yêu cầu chia thừa kế phần đất trên làm 8 phần bằng nhau, bà Ô yêu cầu nhận một phần đất.

Bà Ô thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc,

định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) giá 2.000.000 đồng/1m², vị trí còn lại giá 118.000 đồng/1m²; thửa 920 giá 60.000 đồng/1m²; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/1m², vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/1m², vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/1m².

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Kiều N (Phạm Thị Kiều N) trình bày:

Thông nhất với trình bày của chị Phạm Hồng N về các con chung của Cụ N, cụ T; nguồn gốc đất và di sản do Cụ N, cụ T chết để lại, tài sản trên đất. Bà N yêu cầu chia thừa kế di sản Cụ N, cụ T để lại theo pháp luật như sau:

Thửa đất số 912, diện tích 7.477m² (diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Phạm Văn L quản lý yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý tách một phần thửa đất 912, diện tích 266,1m² dành làm lối đi chung các anh em (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập).

Thửa đất 920, diện tích 3.300m² (diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hoàng Ph đang quản lý, sử dụng yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Bà N đồng ý giao phần đất trên cho bà Ng quản lý, sử dụng và bà Ng trả giá trị đất cho bà theo giá hội đồng định giá.

Thửa đất 905, diện tích 2.750m² (diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do Cụ N xây dựng năm 1983, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý giao phần đất cho bà Ng quản lý, sử dụng và bà Ng phải hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế theo giá hội đồng định giá. Đối với căn nhà gắn liền thửa đất không yêu cầu chia.

Đối với thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng. Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng. Không yêu cầu chia thừa kế.

Bà N thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) giá 2.000.000 đồng/1m², vị trí còn lại giá 118.000 đồng/1m²; thửa 920 giá 60.000 đồng/1m²; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/1m², vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/1m², vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/1m².

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị C và người đại diện hợp pháp của bà C là anh Nguyễn Hoàng Ph trình bày:

Thông nhất với trình bày của chị Phạm Hồng N về các con chung của ông Nghị, bà Tánh; nguồn gốc đất và di sản do ông Nghị, bà Tánh chết để lại, tài sản trên đất. Bà C yêu cầu chia thừa kế di sản Cụ N, cụ T để lại theo pháp luật như sau:

Thửa đất số 912, diện tích 7.477m² (diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Phạm Văn L quản lý yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý tách một phần thửa đất 912, diện tích 266,1m² dành làm lối đi chung các anh em (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập).

Thửa đất 920, diện tích 3.300m² (diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hoàng Ph đang quản lý, sử dụng yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Bà C đồng ý giao phần đất trên cho bà Ng quản lý, sử dụng và bà Ng trả giá trị đất cho bà theo giá hội đồng định giá.

Thửa đất 905, diện tích 2.750m² (diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do Cụ N xây dựng năm 1983, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Hồng N yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý giao phần đất cho bà Ng quản lý, sử dụng và bà Ng phải hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế theo giá hội đồng định giá. Đối với căn nhà gắn liền thửa đất không yêu cầu chia.

Đối với thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng. Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng. Không yêu cầu chia thừa kế.

Bà C thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) là 2.000.000 đồng/1m², vị trí còn lại giá 118.000 đồng/1m²; thửa 920 giá 60.000 đồng/1m²; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/1m², vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/1m², vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/1m².

Theo đơn phản tố ngày 21/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn L có người đại diện hợp pháp ông Phan Quang T trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về các con của ông Nghị, bà Tánh, ngày chết của ông Nghị, bà Tánh.

Phần đất thửa 912, diện tích 7.477m² (diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất trồng lúa nước do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp cho hộ sử dụng đất của

Cụ N gồm các thành viên trong gia đình là Cụ N, cụ T, ông L và bà L nên không đồng ý chia thừa kế thừa 912 theo các yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định của pháp luật khi thành viên trong hộ chết thì các thành viên còn sống trong hộ đương nhiên được tiếp tục sử dụng nên yêu cầu công nhận phần đất trên cho ông L, bà L. Trong trường hợp có căn cứ xác định phần đất trên là di sản thừa kế của Cụ N thì ông yêu cầu được chia một phần thừa kế theo pháp luật.

Ông L đồng ý tách một phần thửa đất 912, diện tích 266,1m² dành làm lối đi để các anh chị em dùng làm lối đi vào thửa đất 905 (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập).

Thửa đất 920, diện tích 3.300m² (diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa đất 905, diện tích 2.750m² (diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do Cụ N xây dựng năm 1983, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu chia thừa kế làm 8 phần bằng nhau. Đồng ý giao các phần đất trên cho bà Ng quản lý, sử dụng buộc bà Ng trả giá trị đất cho ông theo giá của hội đồng định giá. Không yêu cầu chia thừa kế căn nhà gắn liền đất.

Đối với thửa đất số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng. Thống nhất xác định là tài sản chung.

Phần đất thừa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng. Không yêu cầu chia thừa kế.

Ông L thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thừa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) là 2.000.000 đồng/1m², vị trí còn lại giá 118.000 đồng/1m²; thửa 920 giá 60.000 đồng/1m²; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/1m², vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/1m², vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/1m².

Tại đơn yêu cầu ngày 16/4/2014 (BL 146), biên bản hòa giải không thành ngày 09/7/2020 cùng các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Hồng Kh trình bày:

Thống nhất với trình bày của chị Phạm Hồng N về các con chung của Cụ N, cụ T; nguồn gốc đất và di sản do Cụ N, cụ T chết để lại, tài sản trên đất và yêu cầu của chị Phạm Hồng N về tài sản yêu cầu chia và không chia.

Bà không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thửa 912, diện tích 7.477m² (diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất ruộng, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long (theo trích đo ngày 14/01/2021). Bà Kh đề nghị để các anh chị em tự thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu buộc chia thừa kế theo pháp

luật thì yêu cầu chia thửa 912 cho 08 anh chị em, mỗi phần bằng nhau. Bà Kh đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của bà cho ông L.

Đối với thửa đất 920, diện tích 3.300m^2 (diện tích đo đạc thực tế $3.318,4\text{m}^2$), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Hoàng G đang quản lý, sử dụng yêu cầu chia cho 08 phần bằng nhau. Đồng ý giao phần đất trên cho bà Ng quản lý, sử dụng buộc bà Ng trả giá trị đất cho bà theo giá của hội đồng định giá.

Đối với thửa đất 905, diện tích 2.750m^2 (diện tích đo đạc thực tế $2.655,1\text{m}^2$), loại đất ở nông thôn và cây lâu năm và căn nhà tường cấp 4 do Cụ N xây dựng năm 1983, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Hồng N yêu cầu chia 08 phần bằng nhau. Đồng ý giao phần đất trên cho bà Ng quản lý, sử dụng buộc bà Ng trả giá trị đất cho bà theo giá của hội đồng định giá. Không yêu cầu chia căn nhà gắn liền phần đất.

Đối với thửa đất số 906, diện tích 1.470m^2 , loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Phạm Thị C quản lý, sử dụng không yêu cầu chia thừa kế.

Phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m^2 , loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng. Không yêu cầu chia thừa kế.

Bà Kh thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020. Giá đất thửa 912 vị trí 1 (từ lề lộ đi vào 50m) giá $2.000.000$ đồng/ m^2 , vị trí còn lại giá 118.000 đồng/ m^2 ; thửa 920 giá 60.000 đồng/ m^2 ; thửa 905 giá đất ở nông thôn 230.000 đồng/ m^2 , vị trí 4 đất trồng cây lâu năm 138.000 đồng/ m^2 , vị trí còn lại cây lâu năm 71.000 đồng/ m^2 .

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L và chị Phạm Hương L trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Phạm Văn L, ngoài ra không có ý kiến gì khác. Bà L và chị Lan xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2013, bản hòa giải không thành ngày 09/7/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Ph trình bày: Phần đất thửa 920, diện tích 3.300m^2 , loại đất ruộng, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long nguồn gốc của Cụ N cho anh mượn canh tác, mỗi năm anh đóng 60 gia lúa cho Cụ N. Khi Cụ N chết năm 2009, anh và anh Giang tiếp tục canh tác phần đất trên. Nếu Tòa án xử phần đất này thuộc về ai thì anh, anh Giang sẽ trả lại đất cho người đó.

Tại bản tự trình bày ngày 08/7/2021 anh Nguyễn Hoàng G và chị Lê Thị Cẩm T trình bày: Cụ N khi còn sống có cho vợ chồng anh chị mượn phần đất thửa 920, diện tích 3.300m^2 để canh tác. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trên anh chị đồng ý trả lại đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2015/DSST, ngày 21/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện chia thừa theo pháp luật của các nguyên đơn đối với căn nhà (cấp 4) và thửa đất 905; căn nhà (cấp 4) và thửa đất 387; thửa đất 920 cùng tiền đóng lúa tại thửa 912, 920.

2/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các đồng nguyên đơn gồm: bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Hồng H (có bà Phạm Hồng N đại diện):

2.1/ Dành một lối đi chung từ tỉnh lộ 901 vào thửa 905 và các thửa đất khác phía trong, có diện tích là 248,8m².

2.2/ Chia cho ông Phạm Văn L được hưởng 1.391,2m² và 833m² phần bà Kh được chia, bà Kh cho ông L, cộng chung ông L được hưởng là 2.224,2m² (phần đất này gắn liền nhà ông L).

2.3/ Chia cho bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T) được hưởng 833,1m².

2.4/ Chia cho bà Phạm Thị H được hưởng 832,2m².

2.5/ Chia cho bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun) được hưởng 832,2m².

2.6/ Chia cho bà Phạm Kiều N được hưởng 831,3m².

2.7/ Chia cho bà Phạm Hồng N được hưởng 835,3m² và 839,4m² phần bà Hồng Hoa được chia, bà Hồng Hoa cho bà Ng, cộng chung bà Ng được hưởng là 1.674,7m².

(Vị trí, tứ cận từng thửa đất có “Sơ đồ đo đạc” kèm theo “Trích đo bản đồ địa chính khu đất” ngày 14/4/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập, trong sơ đồ có ghi tên từng phần đất của từng người được hưởng, kèm theo bản án).

- Các phần đất trên đều thuộc tách thửa 912, diện tích thực đo 7.476,6m², tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

- Các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất của từng người được chia theo quy định của pháp luật. Riêng phần lối đi chung khi kê khai đăng ký là đăng ký quyền sử dụng chung của tất cả các đồng thừa kế của ông Nghị và bà Tánh.

Ngày 01/6/2015 anh Phạm Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 99/2019/DSPT ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Hủy toàn bộ bản án số 10/2015/DSST, ngày 21/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 149, Điều 157, Điều 227, Điều 244, Điều 246, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685, Điều 733, Điều 767 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 100, Điều 166, 167, 168, 169, 170; Điều 2, Điều 73, Điều 76 Luật đất đai năm 1993; Điều 4, Điều 10, Điều 46, Điều 48, Điều 105, Điều 106, Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi. Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị H đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 906, diện tích 1.470m², tờ bản đồ số 3, loại đất nghĩa địa. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu chia thừa kế phần tiền trị giá thu nhập 52 gia lúa do ông L quản lý đất của ông Nghị và số tiền 2.200.000 đồng tiền trị giá 22 gia lúa bà Kh sử dụng đất và yêu cầu chia giá trị đối với căn nhà (cấp 4) gắn liền thửa đất 905.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Hồng Kh, ông Phạm Văn L về việc không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thửa 906, diện tích 1.470m², tờ bản đồ số 3, loại đất nghĩa địa.

3/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Hồng H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của Cụ N, cụ T để lại đối với thửa đất 912, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.655,1m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm. Các phần đất trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phạm Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H, bà Phạm Hồng Kh, ông Phạm Văn L. Phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 266,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc a,b,2,18,19,20,21,22,13,14,15,1,a làm lối đi thuộc quyền sử dụng chung của bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H, bà Phạm Hồng Kh, ông Phạm Văn L. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa

chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021. Phần đất trên gắn liền một phần căn nhà sắt, nhà gỗ của ông Phạm Văn L. Buộc ông L, bà L tháo dỡ di dời tài sản gắn liền diện tích đất trên để làm lối đi chung từ tỉnh lộ 901 vào thửa 905.

5/ Chia cho ông Phạm Văn L được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $1.591m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc b,c,3,16,17,21,20,19,18,2,b. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L đang quản lý sử dụng.

6/ Chia cho Bà Phạm Hồng N được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $947,2m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c,c',c'',22,21,17,16,3,c và tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $949,1m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c',e,e'',23,c'',c'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

7/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà Ng các phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $947,2m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c,c',c'',22,21,17,16,3,c và tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $949,1m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c',e,e'',23,c'',c'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

8/ Buộc bà Phạm Hồng N trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 149.400.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

9/ Chia cho bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun) được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $953m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e,e',f',e'',e. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

10/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà C phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích $953m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e,e',f',e'',e. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

11/ Buộc bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun) trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 84.400.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

12/ Chia cho bà Phạm Kiều N (Phạm Thị Kiều N) được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e', f, f'', f', e'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

13/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà N phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e', f, f'', f', e'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

14/ Buộc bà Phạm Kiều N (Phạm Thị Kiều N) trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 83.600.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

15/ Chia cho bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T) được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc f, d', d'', f'', f. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

16/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà Ô phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc f, d', d'', f'', f. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

17/ Buộc bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T) trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 82.800.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

18/ Chia cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 941,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc d', d, 4, 5, 6, 7, d'', d'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

19/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà H phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 941,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc d', d, 4, 5, 6, 7, d'', d'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

20/ Buộc bà Phạm Thị H trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 60.800.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

21/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 649,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 7,8,9,23,e'',f'',f'',d'',7. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do bà H đang quản lý sử dụng.

22/ Buộc bà Phạm Thị H trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông L, bà Kh, bà Ng, bà H (bà Ng nhận), bà C, bà N, bà Ô mỗi người bằng số tiền 9.575.700 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

23/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao bà Phạm Hồng N được quyền sử dụng phần đất thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,1. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021. Phần đất trên hiện nay do anh Nguyễn Hoàng G, anh Nguyễn Hoàng Ph, chị Lê Thị Cẩm T đang quản lý sử dụng.

24/ Buộc anh Nguyễn Hoàng G, anh Nguyễn Hoàng Ph, chị Lê Thị Cẩm T giao cho bà Phạm Hồng N phần đất thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,1. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021.

25/ Buộc bà Phạm Hồng N trả giá trị đất cho ông L, bà Kh, bà C, bà H, bà Ô, bà N mỗi người bằng tiền là 24.888.000 đồng.

26/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao bà Phạm Hồng N được quyền sử dụng phần đất thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, gồm các mốc 13, 22, 23, 9, 10, 11, 12, 13. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021. Bà Phạm Hồng N được quyền sở hữu căn nhà căn nhà cấp 4, khung chịu lực, cột móng đà kiềng giằng, ô văng, seno bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường bực che và tường ngăn xây tô gạch dày 10cm sơn nước, không trần, kết cấu đỡ mái tường thu hồi, vữa kê bê tông cốt thép, đòn tay sát hộp, mái lợp bằng tôn tráng kẽm, văng vuông, cửa đi, cửa sổ bằng khung gỗ lá sách gắn liền phần đất trên. Phần đất trên hiện nay do bà Phạm Hồng N đang quản lý sử dụng.

27/ Công nhận bà Phạm Hồng N được quyền sở hữu các cây trồng gắn liền phần đất thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m² gồm: 1 cây me, dừa 22 cây, còng 5 cây, gáo 3 cây, bàng 1 cây, dừa 4 cây, nhãn 2 cây, ổi 2 cây, chuối 29 cây.

28/ Buộc bà Phạm Hồng N trả giá trị đất, cây trồng cho các đồng thừa kế gồm: ông L, bà Kh, bà C, bà Ô, bà H, bà N mỗi người số tiền là 40.976.200

đồng. Ngoài ra, bà Ng phải trả giá trị cây trồng cho bà C bằng số tiền 3.851.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

29/ Dành cho các đương sự được quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2021, nguyên đơn bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng định giá lại thửa đất 912 và chia lại thửa đất 912 cho các đồng thừa kế.

Ngày 24/7/2021 bị đơn ông Phạm Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giải quyết lại trình tự phúc thẩm theo hướng xác định chủ thể sử dụng đất là hộ ông Phạm Văn N và chia thừa kế phần di sản theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2021 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô là ông Lê Minh Thuận kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Ng, ông Ph (đại diện bà C), bà N cùng có ý kiến không đồng ý phần trả lại tiền cho ông L mà phần lỗi dư ngày 1m5 giao lại cho ông L chứ không cần ai bù cho ai.

Ông Lê Minh Thuận đại diện cho bà N, bà Ô đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng thiếu người tham gia tố tụng là vợ ông Đào Hậu G, Đào Mỹ Ph, Đào Văn Th là chồng con bà H. Phần đình chỉ thửa 387 tại Mục 1 quyết định không đúng. Mục 4 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự không buộc bà Hương Lan (con ông Ngọc, bà L). Nội dung: Mục 20 tòa án định giá 2.000.000 đồng/m² là không phù hợp. Tại biên bản khảo sát định giá các đương sự thống nhất 118.000 đồng/m². Phần chia diện tích 8 người được nhận 8 suất thừa kế nhưng khi chia còn lại 43,1m ngang chia 8 người nhưng tuyên những người kia được 5,5 m, riêng bà H được 4,8m là không đồng đều.

Ông Phan Quang T (đại diện cho ông L, bà L) đề nghị hủy toàn bộ bản án do không xác định chính xác quyền sử dụng đất là hộ gia đình ông Nghị chứ không phải cá nhân ông Nghị. Tòa án vi phạm tố tụng sau: Đương sự cung cấp 2 chứng cứ để xác định nguồn gốc đất là nhà nước giao cho hộ ông Nghị nhưng

Tòa án không xem xét, tại thời điểm đó chỉ được giao dưới 2 hình thức khoán và làm kinh tế gia đình nhưng tòa căn cứ vào GCN ghi tên ông Nghị để xác định cá nhân ông Nghị là không đúng. Thửa đất 920 bản chất như thửa 912 hộ gia đình ông Nghị đã thỏa thuận chia cho các con cháu quản lý, sử dụng định đoạt thửa đất này nên hiện nay không chia nữa. Tại thời điểm ông Nghị chết thì đất trồng lúa thì ai đang sử dụng tiếp tục sử dụng chứ không được chia. Tòa án áp dụng hồi tố để áp dụng Luật đất đai năm 1997 là không đúng.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô, ông Phạm Văn L, bà Trần Thị L lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô, ông Phạm Văn L, bà Trần Thị L nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là theo quy định Điều 26, 35, 469 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L:

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Phạm Văn N và cụ Nguyễn Thị T để lại thành 8 phần gồm: Thửa đất số 912, diện tích 7.477m (đo đạc thực tế 8.201,6m²), loại đất chuyên trồng lúa nước và tách diện tích 266,1m² làm lối đi chung; Thửa đất số 905, diện tích 2.750 m² (đo đạc thực tế 2.655,1m²), loại đất thổ; Thửa đất số 920, diện tích 3.300m² (đo đạc thực tế 3.318,4m²), loại đất ruộng 2 lúa. Không yêu cầu chia thửa số 906, diện tích 1.470m², loại đất nghĩa địa, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 387, diện tích 9.040m², loại đất thổ quả, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Riêng nguyên đơn bà Ô yêu cầu công nhận thửa đất số 906 là tài sản chung, bà H và bà Ô yêu cầu chia thửa đất số 387 thành 8 phần.

Bị đơn ông L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L không đồng ý chia thửa đất số 912 vì thửa đất cấp cho hộ gia đình gồm Cụ N, cụ T, ông L và bà L nên không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 912, Còn lại thửa đất 920, thửa 905 ông L xác định là di sản của Cụ N để lại nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Xét nguồn gốc thửa đất số 912 thấy rằng, tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/1992 của cụ Phạm Văn N thể hiện Cụ N đăng ký các thửa đất 920 - diện tích 3.300 m², thửa 912 - diện tích 7.720 m², thửa 905 - diện tích 2.750 m², thửa 906 - diện tích 1.470 m² là đăng ký cá nhân Cụ N và không có danh sách các thành viên khác trong hộ kèm theo. Tại Công văn số 354/UBND-NC ngày 13/4/2015 của UBND huyện Tr xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/9/1993 cho ông Phạm Văn N đối với các thửa đất 912, thửa 905, thửa 906 là đúng theo nội dung đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/12/1992 chỉ thể hiện tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn N.

Ngày 22/02/2002, cụ T chết không để lại di chúc. Ngày 29/8/2003, Cụ N có lập di chúc phân chia tài sản nhưng do di chúc không hợp lệ. Ngày 02/11/2009, Cụ N chết. Cụ N và cụ T có 08 người con gồm: bà Phạm Thị C (tên khác: Phạm Thị Mun), bà Phạm Thị Ô (tên khác: Phạm Thị T), bà Phạm Kiều N (tên khác: Phạm Thị Kiều N), bà Phạm Thị Hồng H, bà Phạm Thị H, bà Phạm Hồng Kh, bà Phạm Hồng N và ông Phạm Văn L.

Căn cứ Điều 2, Điều 73, Điều 76 Luật đất đai năm 1993, Điều 4, Điều 10, Điều 46, Điều 48, Điều 105, Điều 106 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 631, Điều 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì có căn cứ xác định các phần đất thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 2.655,1 m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm do Cụ N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, xác định thửa đất 912, thửa 920, thửa 905 là di sản của Cụ N và cụ T. Do đó, bản án sơ thẩm đã chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự nguyên đơn bà Phạm Hồng N, người đại diện hợp pháp bà H, người đại diện hợp pháp bà C, bà Kiều Nương, người đại diện hợp pháp bà Ô, bà H và bị đơn ông L, người đại diện hợp pháp ông L thống nhất thỏa thuận: Tách một phần thửa đất 912, diện tích 266,1m², gồm các mốc a, b, 2, 18, 19, 20, 21, 22, 13, 14, 15, 1, a theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021 thuộc quyền sử dụng chung của bà Ng, bà C, bà Kiều Nương, bà Ô, bà H, ông L và bà Kh để làm lối đi chung từ đường tỉnh 901 vào phần đất thửa 905. Tách một phần thửa 912, diện tích 649,2 m² (phần đất bà H và con bà H đang sử dụng cất nhà để ở), gồm các mốc 7, 8, 9, 23, e'', f', f'', d'', 7 để giao cho bà H sử dụng. Phần đất này sẽ chia giá trị đất làm 8 phần bằng nhau tương đương diện tích $649,2\text{m}^2/8 = 81,15\text{m}^2$. Buộc bà H trả giá trị đất cho các đồng thừa kế giá 118.000 đồng/lm². Cụ thể bà H trả giá trị đất cho 7 kỳ phần thừa kế còn lại như sau: $81,15\text{m}^2 \times 118.000 \text{ đồng/lm}^2 = 9.575.700 \text{ đồng}$.

Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Phần đất còn lại thuộc tách thửa 912, diện tích đo đạc thực tế $7.286,3m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước, hiện do ông L và bà H quản lý, sử dụng. Sẽ được chia đều 8 phần thửa kể mỗi phần tương đương diện tích $7.286,3m^2/8 = 910,78m^2$. Người được chia đất nhiều hơn kỳ phân thửa kể được hưởng sẽ trả giá trị đất cho động thửa kể nhận đất không đủ kỳ phân thửa kể được hưởng. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận giá đất thửa 912 sẽ chia làm hai vị trí, vị trí 1 giáp đường tỉnh 901, gồm diện tích $7.286,3m$ giá đất $2.000.000$ đồng/ m^2 . Căn cứ theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 23/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long được phân chia 8 phần gồm bà Kh, bà H, bà Ng, bà C, bà N, bà Ô, bà H và ông L, nhưng phần của bà Kh tặng cho lại ông L, phần của bà H tặng cho lại bà Ng.

Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia thửa kể theo pháp luật đối với thửa đất 912, tờ bản đồ số 3 là di sản của cụ T và Cụ N là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông L và bà L không có cơ sở để được chấp nhận.

[2] Về kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập và Biên bản khảo sát đo đạc, định giá tài sản ngày 26/11/2020, trong đó thống nhất thỏa thuận giá thửa đất 912 tính từ mặt lộ đường tỉnh 901 đi vào 50m thì giá $2.000.000$ đồng/ m^2 , từ mét thứ 51 đến hết đất giá 118.000 đồng/ m^2 . Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận giá đất thửa 912 sẽ chia làm hai vị trí, vị trí 1 giáp đường tỉnh 901, gồm diện tích $7.286,3m^2$ giá đất $2.000.000$ đồng/ m^2 , phần còn lại thống nhất giá 118.000 đồng/ m^2 .

Đối với tách thửa 912, diện tích $649,2m^2$ các đương sự thống nhất giao cho bà Phạm Thị H, diện tích đất này không nằm sát mặt lộ đường tỉnh 901, nên tính giá 118.000 đồng/ m^2 là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự. Riêng phần đất tách thửa 912, diện tích $7.286,3m^2$ có kích thước không cân đối, bản án sơ thẩm căn cứ Trích đo bản đồ địa chính ngày 23/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, chia đều diện tích đất cho các nguyên đơn bà Ng, bà C, bà N theo chiều ngang đường tỉnh 901 với kích thước 5,50m là phù hợp.

Xét thấy, các đương sự thống nhất thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm công nhận là đúng pháp luật.

Bà Ng, bà C, bà N đề nghị không tuyên buộc phải lại giá trị tiền cho ông Phạm Văn L là không có căn cứ. Do các bà được nhận vượt quá kỳ phân thửa kể nên phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông L.

Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn bà Ng, bà C và bà N không có cơ sở để được chấp nhận.

[2.3] Về kháng cáo của nguyên đơn bà H và bà Ô yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết không triệt để gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà H và bà Ô:

Xét thấy, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, ông Th là người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà Ô trình bày các lý do bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung vụ án để hủy bản án sơ thẩm nhưng không có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà H và bà Ô không có cơ sở để được chấp nhận.

Như vậy, bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô, ông Phạm Văn L, bà Trần Thị L kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô là người cao tuổi, ông Phạm Văn L là người khuyết tật nên được miễn án phí, bà Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô, ông Phạm Văn L, bà Trần Thị L

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 149, Điều 157, Điều 227, Điều 244, Điều 246, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685, Điều 733, Điều 767 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 100, Điều 166, 167, 168, 169, 170; Điều 2, Điều 73, Điều 76 Luật đất đai năm 1993; Điều 4, Điều 10, Điều 46, Điều 48, Điều 105, Điều 106, Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi. Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị H đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 906, diện tích 1.470m², tờ bản đồ số 3, loại đất nghĩa địa. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô, bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu chia thừa kế phần tiền trị giá thu nhập 52 tạ lúa do ông L

quản lý đất của ông Nghị và số tiền 2.200.000 đồng tiền trị giá 22 gia lúa bà Kh sử dụng đất và yêu cầu chia giá trị đối với căn nhà (cấp 4) gắn liền thửa đất 905.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị M), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Hồng Kh, ông Phạm Văn L về việc không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thửa 906, diện tích 1.470m², tờ bản đồ số 3, loại đất nghĩa địa.

3/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Hồng H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của Cụ N, cụ T để lại đối với thửa đất 912, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 8.201,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.655,1m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm. Các phần đất trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phạm Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị M), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H, bà Phạm Hồng Kh, ông Phạm Văn L. Phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 266,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc a,b,2,18,19,20,21,22,13,14,15,1,a làm lối đi thuộc quyền sử dụng chung của bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun), bà Phạm Kiều N, bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T), bà Phạm Thị H, bà Phạm Hồng Kh, ông Phạm Văn L. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021. Phần đất trên gắn liền một phần căn nhà sắt, nhà gỗ của ông Phạm Văn L. Buộc ông L, bà L tháo dỡ di dời tài sản gắn liền diện tích đất trên để làm lối đi chung từ tỉnh lộ 901 vào thửa 905.

5/ Chia cho ông Phạm Văn L được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.591m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc b,c,3,16,17,21,20,19,18,2,b. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L đang quản lý sử dụng.

6/ Chia cho Bà Phạm Hồng N được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 947,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c,c',c'',22,21,17,16,3,c và tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 949,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c',e,e'',23,c'',c'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

7/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà Ng các phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 947,2m², loại đất chuyên trồng lúa

nước, gồm các mốc c,c',c'',22,21,17,16,3,c và tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 949,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc c',e,e'',23,c'',c'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

8/ Buộc bà Phạm Hồng N trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 149.400.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

9/ Chia cho bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun) được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 953m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e,e',f',e'',e. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

10/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà C phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 953m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e,e',f',e'',e. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

11/ Buộc bà Phạm Thị C (Phạm Thị Mun) trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 84.400.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

12/ Chia cho bà Phạm Kiều N (Phạm Thị Kiều N) được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e', f,f',f',e'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

13/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà N phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc e', f,f',f',e'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

14/ Buộc bà Phạm Kiều N (Phạm Thị Kiều N) trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 83.600.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

15/ Chia cho bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T) được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc f,d',d'',f',f. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

16/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà Ô phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 952,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc f,d',d'',f',f. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

17/ Buộc bà Phạm Thị Ô (Phạm Thị T) trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 82.800.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

18/ Chia cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 941,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc d', d,4,5,6,7,d'',d'. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do ông L, bà L đang quản lý sử dụng.

19/ Buộc ông Phạm Văn L và bà Trần Thị L giao cho bà H phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 941,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc d', d,4,5,6,7,d'',d'.Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021.

20/ Buộc bà Phạm Thị H trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L bằng số tiền 60.800.000 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

21/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 912, tờ bản đồ số 3, diện tích 649,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 7,8,9,23,e'',f',f'',d'',7. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23/6/2021. Phần đất trên hiện nay do bà H đang quản lý sử dụng.

22/ Buộc bà Phạm Thị H trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông L, bà Kh, bà Ng, bà H (bà Ng nhận), bà C, bà N, bà Ô mỗi người bằng số tiền 9.575.700 đồng do nhận vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

23/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao bà Phạm Hồng N được quyền sử dụng phần đất thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,1. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021. Phần đất trên hiện nay do anh Nguyễn Hoàng G, anh Nguyễn Hoàng Ph, chị Lê Thị Cẩm T đang quản lý sử dụng.

24/ Buộc anh Nguyễn Hoàng G, anh Nguyễn Hoàng Ph, chị Lê Thị Cẩm T giao cho bà Phạm Hồng N phần đất thửa 920, tờ bản đồ số 3, diện tích

3.318,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,1. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021.

25/ Buộc bà Phạm Hồng N trả giá trị đất cho ông L, bà Kh, bà C, bà H, bà Ô, bà N mỗi người bằng tiền là 24.888.000 đồng.

26/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao bà Phạm Hồng N được quyền sử dụng phần đất thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, gồm các mốc 13, 22, 23, 9, 10, 11, 12, 13. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 14/01/2021. Bà Phạm Hồng N được quyền sở hữu căn nhà căn nhà cấp 4, khung chịu lực, cột móng đà kiềng giằng, ô văng, senô bằng bê tông cốt thép, nền lót gạch men, tường bực che và tường ngăn xây tô gạch dày 10cm sơn nước, không trần, kết cấu đỡ mái tường thu hồi, vữa kéo bê tông cốt thép, đòn tay sát hộp, mái lợp bằng tôn tráng kẽm, văng vuông, cửa đi, cửa sổ bằng khung gỗ lá sáo gắn liền phần đất trên. Phần đất trên hiện nay do bà Phạm Hồng N đang quản lý sử dụng.

27/ Công nhận bà Phạm Hồng N được quyền sở hữu các cây trồng gắn liền phần đất thửa 905, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 2.655,1m² gồm: 1 cây me, dừa 22 cây, còng 5 cây, gáo 3 cây, bàng 1 cây, dừa 4 cây, nhãn 2 cây, ổi 2 cây, chuối 29 cây.

28/ Buộc bà Phạm Hồng N trả giá trị đất, cây trồng cho các đồng thừa kế gồm: ông L, bà Kh, bà C, bà Ô, bà H, bà N mỗi người số tiền là 40.976.200 đồng. Ngoài ra, bà Ng phải trả giá trị cây trồng cho bà C bằng số tiền 3.851.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

29/ Dành cho các đương sự được quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp phần đất thửa 387, tờ bản đồ số 01, diện tích 9040m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh hiện do bà Phạm Hồng Kh quản lý, sử dụng khi có yêu cầu.

II. Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Hồng N, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kiều N, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ô, ông Phạm Văn L được miễn án phí, bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0003371 ngày 21/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Vĩnh Long; (1)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Đường sự (14)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 26b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân